

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 11

**Phòng số:**

**105**

**Tại phòng:**

**312**

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Vật lí |       |        |
|-----|--------|------|-----------------------|------------|--------|-------|--------|
|     |        |      |                       |            | Đề số  | Số tờ | Kí tên |
| 1   | 110001 | 11N2 | Hoàng Hải An          | 30/08/2003 |        |       |        |
| 2   | 110002 | 11N3 | Trần Thành An         | 10/11/2003 |        |       |        |
| 3   | 110003 | 11A1 | Vũ Khánh An           | 31/10/2003 |        |       |        |
| 4   | 110004 | 11A2 | Dương Việt Anh        | 26/05/2003 |        |       |        |
| 5   | 110005 | 11A1 | Đặng Châu Anh         | 29/05/2003 |        |       |        |
| 6   | 110006 | 11A1 | Đỗ Phương Anh         | 10/02/2003 |        |       |        |
| 7   | 110007 | 11N2 | Lê Việt Anh           | 15/10/2003 |        |       |        |
| 8   | 110008 | 11N3 | Nguyễn Đức Anh        | 23/12/2003 |        |       |        |
| 9   | 110009 | 11N1 | Nguyễn Hải Anh        | 02/02/2003 |        |       |        |
| 10  | 110010 | 11N1 | Nguyễn Hoàng Minh Anh | 02/08/2003 |        |       |        |
| 11  | 110011 | 11N1 | Nguyễn Quang Anh      | 25/06/2003 |        |       |        |
| 12  | 110012 | 11A1 | Nguyễn Trọng Nhật Anh | 12/11/2003 |        |       |        |
| 13  | 110013 | 11N2 | Nguyễn Văn Anh        | 30/05/2003 |        |       |        |
| 14  | 110014 | 11N1 | Phạm Đức Anh          | 30/03/2003 |        |       |        |
| 15  | 110015 | 11N2 | Phạm Gia Anh          | 16/07/2003 |        |       |        |
| 16  |        |      |                       |            |        |       |        |

**DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 11**

**Phòng số: 106**

**Tại phòng: 313**

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS       | Ngày sinh  | Vật lí |       |        |
|-----|--------|------|--------------------|------------|--------|-------|--------|
|     |        |      |                    |            | Đề số  | Số tờ | Kí tên |
| 1   | 110016 | 11N2 | Phạm Trung Anh     | 31/10/2003 |        |       |        |
| 2   | 110017 | 11N2 | Phan Như Nam Anh   | 25/11/2003 |        |       |        |
| 3   | 110018 | 11A2 | Tô Quỳnh Anh       | 14/04/2003 |        |       |        |
| 4   | 110019 | 11A2 | Trần Hải Anh       | 12/09/2003 |        |       |        |
| 5   | 110020 | 11N2 | Trần Minh Anh      | 20/04/2003 |        |       |        |
| 6   | 110021 | 11N1 | Trần Minh Tuấn Anh | 01/04/2003 |        |       |        |
| 7   | 110022 | 11N1 | Bùi Ngọc Ánh       | 24/12/2003 |        |       |        |
| 8   | 110023 | 11N3 | Nguyễn Tùng Bách   | 05/09/2003 |        |       |        |
| 9   | 110024 | 11A2 | Hà Văn Bình        | 07/02/2003 |        |       |        |
| 10  | 110025 | 11A1 | Phạm Quý Châu      | 21/06/2003 |        |       |        |
| 11  | 110026 | 11N1 | Nguyễn Kim Chi     | 11/06/2003 |        |       |        |
| 12  | 110027 | 11N2 | Nguyễn Lan Chi     | 16/12/2003 |        |       |        |
| 13  | 110028 | 11N2 | Nguyễn Phương Chi  | 12/03/2003 |        |       |        |
| 14  | 110029 | 11N1 | Trần Tùng Chi      | 28/04/2003 |        |       |        |
| 15  | 110030 | 11A1 | Nguyễn Quốc Doanh  | 18/02/2003 |        |       |        |
| 16  |        |      |                    |            |        |       |        |

**DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 11**

**Phòng số: 107**

**Tại phòng: 314**

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS           | Ngày sinh  | Vật lí |       |        |
|-----|--------|------|------------------------|------------|--------|-------|--------|
|     |        |      |                        |            | Đề số  | Số tờ | Kí tên |
| 1   | 110031 | 11A2 | Lê Thu Trang Dung      | 19/12/2003 |        |       |        |
| 2   | 110032 | 11N3 | Đỗ Văn Dũng            | 05/05/2003 |        |       |        |
| 3   | 110033 | 11N2 | Hà Quang Dũng          | 10/12/2003 |        |       |        |
| 4   | 110034 | 11A2 | Nguyễn Đình Dũng       | 22/10/2003 |        |       |        |
| 5   | 110035 | 11N2 | Phạm Vũ Dũng           | 06/09/2003 |        |       |        |
| 6   | 110036 | 11N3 | Tô Quang Dũng          | 25/12/2003 |        |       |        |
| 7   | 110037 | 11N3 | Đặng Nguyễn Nguyên Duy | 12/11/2003 |        |       |        |
| 8   | 110038 | 11N3 | Lê Ánh Dương           | 02/12/2003 |        |       |        |
| 9   | 110039 | 11A2 | Nguyễn Bá Dương        | 09/06/2003 |        |       |        |
| 10  | 110040 | 11N1 | Nguyễn Hoàng Dương     | 14/11/2003 |        |       |        |
| 11  | 110041 | 11A2 | Nguyễn Quang Dương     | 15/09/2003 |        |       |        |
| 12  | 110042 | 11N3 | Vũ Đăng Dương          | 18/03/2003 |        |       |        |
| 13  | 110043 | 11N3 | Nguyễn Khương Đan      | 01/11/2003 |        |       |        |
| 14  | 110044 | 11N2 | Dương Tuấn Đạt         | 15/10/2003 |        |       |        |
| 15  | 110045 | 11N2 | Lâm Gia Đôn            | 28/12/2003 |        |       |        |
| 16  |        |      |                        |            |        |       |        |

[illegible]

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS           | Ngày sinh  | Vật lí |       |        |
|-----|--------|------|------------------------|------------|--------|-------|--------|
|     |        |      |                        |            | Đề số  | Số tờ | Kí tên |
| 1   | 110046 | 11A2 | Khổng Minh Đức         | 07/11/2003 |        |       |        |
| 2   | 110047 | 11A1 | Lê Hải Đức             | 11/01/2003 |        |       |        |
| 3   | 110048 | 11N1 | Ngô Minh Đức           | 19/05/2003 |        |       |        |
| 4   | 110049 | 11A1 | Nguyễn Hữu Đức         | 13/03/2003 |        |       |        |
| 5   | 110050 | 11N2 | Nguyễn Như Đức         | 24/12/2003 |        |       |        |
| 6   | 110051 | 11A2 | Nguyễn Tuấn Đức        | 11/03/2003 |        |       |        |
| 7   | 110052 | 11N3 | Nguyễn Trọng Hoàng Đức | 23/11/2003 |        |       |        |
| 8   | 110053 | 11N3 | Phạm Minh Đức          | 31/12/2003 |        |       |        |
| 9   | 110054 | 11N1 | Tổng Đình Minh Đức     | 05/10/2003 |        |       |        |
| 10  | 110055 | 11N2 | Hoàng Thu Giang        | 28/10/2003 |        |       |        |
| 11  | 110056 | 11A1 | Nguyễn Hương Giang     | 01/12/2003 |        |       |        |
| 12  | 110057 | 11N3 | Đỗ Hoàng Hà            | 14/12/2003 |        |       |        |
| 13  | 110058 | 11N2 | Giáp Ngô Nguyệt Hà     | 20/10/2003 |        |       |        |
| 14  | 110059 | 11N3 | Nguyễn Khánh Hà        | 06/09/2003 |        |       |        |
| 15  | 110060 | 11N3 | Chu Đức Hải            | 13/03/2003 |        |       |        |
| 16  |        |      |                        |            |        |       |        |

**Phòng số:**                 **109**                                         **Tai phòng:**                                         **317**

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS      | Ngày sinh  | Vật lí |       |        |
|-----|--------|------|-------------------|------------|--------|-------|--------|
|     |        |      |                   |            | Đề số  | Số tờ | Kí tên |
| 1   | 110061 | 11N2 | Nguyễn Phụng Hải  | 28/11/2003 |        |       |        |
| 2   | 110062 | 11N1 | Phạm Mỹ Hạnh      | 13/02/2003 |        |       |        |
| 3   | 110063 | 11A1 | Trần Minh Hạnh    | 11/12/2003 |        |       |        |
| 4   | 110064 | 11N1 | Lê Thị Thanh Hằng | 12/01/2003 |        |       |        |
| 5   | 110065 | 11N3 | Ngô Thu Hằng      | 14/11/2003 |        |       |        |
| 6   | 110066 | 11N2 | Trần Thị Thu Hằng | 21/06/2003 |        |       |        |
| 7   | 110067 | 11A2 | Ngô Gia Hiên      | 05/12/2003 |        |       |        |
| 8   | 110068 | 11A1 | Nguyễn Minh Hiếu  | 23/01/2003 |        |       |        |
| 9   | 110069 | 11N2 | Nguyễn Minh Hiếu  | 06/05/2003 |        |       |        |
| 10  | 110070 | 11N3 | Phạm Trung Hiếu   | 09/11/2003 |        |       |        |
| 11  | 110071 | 11N1 | Trần Minh Hiếu    | 16/07/2003 |        |       |        |
| 12  | 110072 | 11A2 | Phạm Khải Hoàn    | 05/08/2003 |        |       |        |
| 13  | 110073 | 11A1 | Âu Duy Hoàng      | 12/10/2003 |        |       |        |
| 14  | 110074 | 11N1 | Lê Tấn Hoàng      | 06/09/2003 |        |       |        |
| 15  | 110075 | 11N2 | Trần Việt Hoàng   | 24/07/2003 |        |       |        |
| 16  |        |      |                   |            |        |       |        |

**DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 11**

**Phòng số: 110**

**Tại phòng: 318**

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS         | Ngày sinh  | Vật lí |       |        |
|-----|--------|------|----------------------|------------|--------|-------|--------|
|     |        |      |                      |            | Đề số  | Số tờ | Kí tên |
| 1   | 110076 | 11A2 | Hoàng Việt Hùng      | 23/11/2003 |        |       |        |
| 2   | 110077 | 11A1 | Đào Trần Quốc Huy    | 03/10/2003 |        |       |        |
| 3   | 110078 | 11N1 | Ngô Quang Huy        | 13/01/2003 |        |       |        |
| 4   | 110079 | 11A2 | Nguyễn Quốc Huy      | 07/12/2003 |        |       |        |
| 5   | 110080 | 11A2 | Đặng Thị Huyền       | 26/02/2003 |        |       |        |
| 6   | 110081 | 11N2 | Đinh Khánh Huyền     | 14/05/2003 |        |       |        |
| 7   | 110082 | 11N1 | Lê Minh Huyền        | 11/01/2003 |        |       |        |
| 8   | 110083 | 11A2 | Nguyễn Thị Ánh Huyền | 16/11/2003 |        |       |        |
| 9   | 110084 | 11A1 | Phạm Phương Huyền    | 17/05/2003 |        |       |        |
| 10  | 110085 | 11N2 | Trần Nguyên Hưng     | 29/09/2003 |        |       |        |
| 11  | 110086 | 11N2 | Phạm Mai Hương       | 26/03/2003 |        |       |        |
| 12  | 110087 | 11N1 | Lã Hoàng Phúc Kiên   | 11/08/2003 |        |       |        |
| 13  | 110088 | 11A2 | Nguyễn Trung Kiên    | 24/06/2003 |        |       |        |
| 14  | 110089 | 11A1 | Vũ Trung Kiên        | 14/06/2003 |        |       |        |
| 15  | 110090 | 11N1 | Nguyễn Tuấn Kiệt     | 05/11/2003 |        |       |        |
| 16  |        |      |                      |            |        |       |        |

**DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 11**

**Phòng số: 111**

**Tại phòng: 402**

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Vật lí |       |        |
|-----|--------|------|-----------------------|------------|--------|-------|--------|
|     |        |      |                       |            | Đề số  | Số tờ | Kí tên |
| 1   | 110091 | 11N1 | Lê Tấn Kỳ             | 02/04/2003 |        |       |        |
| 2   | 110092 | 11N3 | Lại Thị Yên Khanh     | 16/12/2003 |        |       |        |
| 3   | 110093 | 11N1 | Cao Đình Nam Khánh    | 16/07/2003 |        |       |        |
| 4   | 110094 | 11N3 | Nguyễn Gia Khánh      | 26/07/2003 |        |       |        |
| 5   | 110095 | 11A2 | Nguyễn Nam Khánh      | 22/08/2003 |        |       |        |
| 6   | 110096 | 11N2 | Nguyễn Trần Nam Khánh | 25/10/2003 |        |       |        |
| 7   | 110097 | 11N1 | Nguyễn Việt Khánh     | 12/10/2003 |        |       |        |
| 8   | 110098 | 11N3 | Trần Nguyên Khánh     | 13/09/2003 |        |       |        |
| 9   | 110099 | 11N3 | Khuất Trọng Khiêm     | 01/11/2003 |        |       |        |
| 10  | 110100 | 11A1 | Đỗ Đăng Khoa          | 21/01/2003 |        |       |        |
| 11  | 110101 | 11A2 | Kim Khuê              | 20/10/2003 |        |       |        |
| 12  | 110102 | 11N1 | Phùng Anh Khuê        | 07/12/2003 |        |       |        |
| 13  | 110103 | 11N1 | Nguyễn Hoàng Lam      | 30/07/2003 |        |       |        |
| 14  | 110104 | 11N1 | Khuất Tùng Lâm        | 07/10/2003 |        |       |        |
| 15  | 110105 | 11A2 | Nguyễn Thiện Lâm      | 22/02/2003 |        |       |        |
| 16  |        |      |                       |            |        |       |        |

**DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 11**

**Phòng số:**

**112**

**Tại phòng:**

**403**

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS       | Ngày sinh  | Vật lí |       |        |
|-----|--------|------|--------------------|------------|--------|-------|--------|
|     |        |      |                    |            | Đề số  | Số tờ | Kí tên |
| 1   | 110106 | 11A2 | Trần Thanh Lâm     | 09/06/2003 |        |       |        |
| 2   | 110107 | 11N2 | Nguyễn Đa Sơn Linh | 17/10/2003 |        |       |        |
| 3   | 110108 | 11N2 | Nguyễn Khánh Linh  | 27/09/2003 |        |       |        |
| 4   | 110109 | 11N3 | Nguyễn Khánh Linh  | 03/12/2003 |        |       |        |
| 5   | 110110 | 11A1 | Tô Mai Linh        | 29/03/2003 |        |       |        |
| 6   | 110111 | 11N3 | Trương Việt Linh   | 20/05/2003 |        |       |        |
| 7   | 110112 | 11N2 | Vũ Hải Linh        | 28/03/2003 |        |       |        |
| 8   | 110113 | 11N3 | Bùi Thế Long       | 21/07/2003 |        |       |        |
| 9   | 110114 | 11A1 | Nguyễn Duy Long    | 24/09/2003 |        |       |        |
| 10  | 110115 | 11A1 | Nguyễn Khắc Long   | 25/03/2003 |        |       |        |
| 11  | 110116 | 11A2 | Nguyễn Ngọc Long   | 22/03/2003 |        |       |        |
| 12  | 110117 | 11N2 | Vũ Hoàng Long      | 13/09/2003 |        |       |        |
| 13  | 110118 | 11A1 | Huỳnh Ngọc Mai     | 22/07/2003 |        |       |        |
| 14  | 110119 | 11A1 | Nguyễn Ngọc Mai    | 13/06/2003 |        |       |        |
| 15  | 110120 | 11A1 | Nguyễn Đức Mạnh    | 15/03/2003 |        |       |        |
| 16  |        |      |                    |            |        |       |        |

**DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 11**

**Phòng số: 113**

**Tại phòng: 404**

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS     | Ngày sinh  | Vật lí |       |        |
|-----|--------|------|------------------|------------|--------|-------|--------|
|     |        |      |                  |            | Đề số  | Số tờ | Kí tên |
| 1   | 110121 | 11A1 | Bùi Tuấn Minh    | 22/11/2003 |        |       |        |
| 2   | 110122 | 11N2 | Chu Hoàng Minh   | 20/09/2003 |        |       |        |
| 3   | 110123 | 11N3 | Đào Ngọc Minh    | 29/03/2003 |        |       |        |
| 4   | 110124 | 11A1 | Đào Quang Minh   | 20/10/2003 |        |       |        |
| 5   | 110125 | 11N1 | Đỗ Tuấn Minh     | 28/01/2003 |        |       |        |
| 6   | 110126 | 11N1 | Hoàng Lê Minh    | 31/03/2003 |        |       |        |
| 7   | 110127 | 11A2 | Ngô Quang Minh   | 17/06/2003 |        |       |        |
| 8   | 110128 | 11N3 | Nguyễn Duy Minh  | 23/10/2003 |        |       |        |
| 9   | 110129 | 11A2 | Nguyễn Đăng Minh | 04/09/2003 |        |       |        |
| 10  | 110130 | 11A2 | Nguyễn Đức Minh  | 04/06/2003 |        |       |        |
| 11  | 110131 | 11N3 | Phạm Lê Minh     | 30/11/2003 |        |       |        |
| 12  | 110132 | 11N1 | Phạm Nhật Minh   | 28/04/2003 |        |       |        |
| 13  | 110133 | 11A2 | Phạm Thu Minh    | 16/06/2003 |        |       |        |
| 14  | 110134 | 11N2 | Trần Tuấn Minh   | 20/12/2003 |        |       |        |
| 15  | 110135 | 11N2 | Trương Tuấn Minh | 23/08/2003 |        |       |        |
| 16  |        |      |                  |            |        |       |        |

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 11

**Phòng số: 114**

**Tại phòng: 405**

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS      | Ngày sinh  | Vật lí |       |        |
|-----|--------|------|-------------------|------------|--------|-------|--------|
|     |        |      |                   |            | Đề số  | Số tờ | Kí tên |
| 1   | 110136 | 11N3 | Võ Đức Minh       | 20/05/2003 |        |       |        |
| 2   | 110137 | 11N1 | Nguyễn Thu Trà My | 14/07/2003 |        |       |        |
| 3   | 110138 | 11N2 | Hoàng Hải Nam     | 28/01/2003 |        |       |        |
| 4   | 110139 | 11A1 | Nguyễn Thành Nam  | 26/02/2003 |        |       |        |
| 5   | 110140 | 11A1 | Trương Hải Nam    | 26/01/2003 |        |       |        |
| 6   | 110141 | 11N1 | Vũ Hải Ninh       | 23/10/2003 |        |       |        |
| 7   | 110142 | 11N1 | Bùi Linh Nga      | 29/11/2003 |        |       |        |
| 8   | 110143 | 11N2 | Nguyễn Thanh Nga  | 23/12/2003 |        |       |        |
| 9   | 110144 | 11N3 | Hoàng Hoàng Ngân  | 17/11/2003 |        |       |        |
| 10  | 110145 | 11A1 | Nguyễn Minh Nghĩa | 28/04/2003 |        |       |        |
| 11  | 110146 | 11N1 | Phạm Trọng Nghĩa  | 01/01/2003 |        |       |        |
| 12  | 110147 | 11A1 | Trương Tuấn Nghĩa | 12/08/2003 |        |       |        |
| 13  | 110148 | 11N1 | Đào Bích Ngọc     | 21/02/2003 |        |       |        |
| 14  | 110149 | 11A2 | Nguyễn Bảo Ngọc   | 04/12/2003 |        |       |        |
| 15  | 110150 | 11N2 | Nguyễn Thiên Ngọc | 30/10/2003 |        |       |        |
| 16  |        |      |                   |            |        |       |        |

**DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 11**

**Phòng số:**

**115**

**Tại phòng:**

**410**

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS           | Ngày sinh  | Vật lí |       |        |
|-----|--------|------|------------------------|------------|--------|-------|--------|
|     |        |      |                        |            | Đề số  | Số tờ | Kí tên |
| 1   | 110151 | 11N2 | Phạm Minh Ngọc         | 19/10/2003 |        |       |        |
| 2   | 110152 | 11N2 | Trần Hà Thảo Nguyên    | 20/07/2003 |        |       |        |
| 3   | 110153 | 11N1 | Nguyễn Cẩm Nhung       | 30/12/2003 |        |       |        |
| 4   | 110154 | 11A1 | Nguyễn Phương Nhung    | 12/09/2003 |        |       |        |
| 5   | 110155 | 11N1 | Đỗ Thị Hồng Oanh       | 09/10/2003 |        |       |        |
| 6   | 110156 | 11N1 | Phạm Tuấn Phong        | 29/10/2003 |        |       |        |
| 7   | 110157 | 11N2 | Vũ Chí Phong           | 23/01/2003 |        |       |        |
| 8   | 110158 | 11N3 | Nguyễn Song Thành Phúc | 11/01/2003 |        |       |        |
| 9   | 110159 | 11A2 | Đỗ Thu Phương          | 16/01/2003 |        |       |        |
| 10  | 110160 | 11N3 | Nguyễn Minh Quang      | 20/12/2003 |        |       |        |
| 11  | 110161 | 11A2 | Tổng Nhật Quang        | 27/08/2003 |        |       |        |
| 12  | 110162 | 11N3 | Vũ Minh Quang          | 23/11/2003 |        |       |        |
| 13  | 110163 | 11A1 | Hoàng Anh Quân         | 04/01/2003 |        |       |        |
| 14  | 110164 | 11A2 | Lê Minh Quân           | 11/12/2003 |        |       |        |
| 15  | 110165 | 11A2 | Nguyễn Minh Quân       | 23/09/2003 |        |       |        |
| 16  |        |      |                        |            |        |       |        |

## DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 11

**Phòng số: 116**

**Tại phòng: 411**

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS           | Ngày sinh  | Vật lí |       |        |
|-----|--------|------|------------------------|------------|--------|-------|--------|
|     |        |      |                        |            | Đề số  | Số tờ | Kí tên |
| 1   | 110166 | 11A2 | Nguyễn Minh Quân       | 04/12/2003 |        |       |        |
| 2   | 110167 | 11N3 | Trịnh Anh Quân         | 13/11/2003 |        |       |        |
| 3   | 110168 | 11A2 | Trịnh Văn Quyền        | 18/09/2003 |        |       |        |
| 4   | 110169 | 11N1 | Đồng Quang Sơn         | 12/11/2003 |        |       |        |
| 5   | 110170 | 11A1 | Nguyễn Anh Sơn         | 03/07/2003 |        |       |        |
| 6   | 110171 | 11N3 | Nguyễn Tiến Trường Sơn | 28/06/2003 |        |       |        |
| 7   | 110172 | 11N3 | Nguyễn Viết Sơn        | 09/09/2003 |        |       |        |
| 8   | 110173 | 11N1 | Bùi Thị Thanh Tâm      | 27/03/2003 |        |       |        |
| 9   | 110174 | 11A1 | Lê Minh Tâm            | 15/03/2003 |        |       |        |
| 10  | 110175 | 11N3 | Đặng Việt Tiến         | 14/12/2003 |        |       |        |
| 11  | 110176 | 11N2 | Tạ Mạnh Tiến           | 29/11/2003 |        |       |        |
| 12  | 110177 | 11A1 | Vũ Hàn Tín             | 13/09/2003 |        |       |        |
| 13  | 110178 | 11A2 | Trần Văn Toàn          | 12/12/2003 |        |       |        |
| 14  | 110179 | 11N2 | Nguyễn Quang Tú        | 23/01/2003 |        |       |        |
| 15  | 110180 | 11A1 | Đoàn Danh Tuấn         | 02/06/2003 |        |       |        |
| 16  |        |      |                        |            |        |       |        |

**DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 11**

**Phòng số: 117**

**Tại phòng: 412**

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS      | Ngày sinh  | Vật lí |       |        |
|-----|--------|------|-------------------|------------|--------|-------|--------|
|     |        |      |                   |            | Đề số  | Số tờ | Kí tên |
| 1   | 110181 | 11A1 | Lê Minh Tuấn      | 02/03/2003 |        |       |        |
| 2   | 110182 | 11A2 | Nguyễn Anh Tuấn   | 05/02/2003 |        |       |        |
| 3   | 110183 | 11N2 | Trần Phong Tuấn   | 17/07/2003 |        |       |        |
| 4   | 110184 | 11N2 | Vũ Minh Tuấn      | 28/12/2003 |        |       |        |
| 5   | 110185 | 11N3 | Nguyễn Công Tuệ   | 13/11/2003 |        |       |        |
| 6   | 110186 | 11N2 | Đỗ Xuân Tùng      | 25/02/2003 |        |       |        |
| 7   | 110187 | 11A2 | Nguyễn Thanh Tùng | 24/12/2003 |        |       |        |
| 8   | 110188 | 11N1 | Nguyễn Thanh Tùng | 04/11/2003 |        |       |        |
| 9   | 110189 | 11A1 | Toàn Thanh Tùng   | 21/03/2003 |        |       |        |
| 10  | 110190 | 11A2 | Nguyễn Đức Thái   | 11/03/2003 |        |       |        |
| 11  | 110191 | 11A1 | Nguyễn Thanh      | 06/10/2003 |        |       |        |
| 12  | 110192 | 11N3 | Nguyễn Duy Thanh  | 21/07/2003 |        |       |        |
| 13  | 110193 | 11N3 | Nguyễn Minh Thanh | 07/02/2003 |        |       |        |
| 14  | 110194 | 11A2 | Nguyễn Công Thành | 25/10/2003 |        |       |        |
| 15  | 110195 | 11N2 | Nguyễn Đức Thành  | 24/09/2003 |        |       |        |
| 16  |        |      |                   |            |        |       |        |

**DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 11**

**Phòng số: 118**

**Tại phòng: 415**

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Vật lí |       |        |
|-----|--------|------|-----------------------|------------|--------|-------|--------|
|     |        |      |                       |            | Đề số  | Số tờ | Kí tên |
| 1   | 110196 | 11A2 | Hồ Phương Thảo        | 07/08/2003 |        |       |        |
| 2   | 110197 | 11N3 | Vũ Đức Thắng          | 13/10/2003 |        |       |        |
| 3   | 110198 | 11A2 | Nguyễn Trọng Thiện    | 11/12/2003 |        |       |        |
| 4   | 110199 | 11A1 | Nguyễn Trọng Thịnh    | 24/05/2003 |        |       |        |
| 5   | 110200 | 11N1 | Đặng Thị Minh Thu     | 14/01/2003 |        |       |        |
| 6   | 110201 | 11N1 | Trần Hoài Thu         | 30/06/2003 |        |       |        |
| 7   | 110202 | 11N2 | Đoàn Ngọc Phương Thùy | 22/06/2003 |        |       |        |
| 8   | 110203 | 11N3 | Nguyễn Thị Thu Thủy   | 02/06/2003 |        |       |        |
| 9   | 110204 | 11N1 | Nguyễn Hà Thư         | 11/11/2003 |        |       |        |
| 10  | 110205 | 11N2 | Lương Quỳnh Trang     | 19/08/2003 |        |       |        |
| 11  | 110206 | 11N3 | Nguyễn Minh Trang     | 04/11/2003 |        |       |        |
| 12  | 110207 | 11A2 | Nguyễn Thu Trang      | 01/09/2003 |        |       |        |
| 13  | 110208 | 11A1 | Trần Thu Trang        | 26/04/2003 |        |       |        |
| 14  | 110209 | 11A2 | Vũ Huyền Trang        | 17/07/2003 |        |       |        |
| 15  | 110210 | 11A1 | An Minh Trí           | 05/08/2003 |        |       |        |
| 16  |        |      |                       |            |        |       |        |

**DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA HỌC KÌ II - KHỐI 11**

**Phòng số: 119**

**Tại phòng: 416**

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS       | Ngày sinh  | Vật lí |       |        |
|-----|--------|------|--------------------|------------|--------|-------|--------|
|     |        |      |                    |            | Đề số  | Số tờ | Kí tên |
| 1   | 110211 | 11N3 | Dương Đức Trí      | 03/11/2003 |        |       |        |
| 2   | 110212 | 11A2 | Bùi Quốc Triệu     | 10/12/2003 |        |       |        |
| 3   | 110213 | 11A1 | Nguyễn Thành Trung | 31/12/2003 |        |       |        |
| 4   | 110214 | 11N1 | Nguyễn Thế Trung   | 08/09/2003 |        |       |        |
| 5   | 110215 | 11N3 | Tôn Trí Trung      | 30/09/2003 |        |       |        |
| 6   | 110216 | 11A1 | Thái Hoàng Trung   | 21/02/2003 |        |       |        |
| 7   | 110217 | 11N1 | Nguyễn Hữu Trường  | 07/02/2003 |        |       |        |
| 8   | 110218 | 11N3 | Nguyễn Thế Văn     | 08/04/2003 |        |       |        |
| 9   | 110219 | 11A2 | Đỗ Hà Vi           | 10/10/2003 |        |       |        |
| 10  | 110220 | 11N1 | Bùi Lâm Việt       | 14/09/2003 |        |       |        |
| 11  | 110221 | 11N2 | Đoàn Quang Việt    | 12/09/2003 |        |       |        |
| 12  | 110222 | 11A1 | Đỗ Quốc Việt       | 11/04/2003 |        |       |        |
| 13  | 110223 | 11A1 | Mai Nguyên Vũ      | 30/10/2003 |        |       |        |
| 14  | 110224 | 11A1 | Phạm Hoàng Vũ      | 18/06/2003 |        |       |        |
| 15  | 110225 | 11N3 | Triệu Duy Anh Vũ   | 27/03/2003 |        |       |        |
| 16  | 110226 | 11A2 | Phạm Chí Vỹ        | 30/12/2003 |        |       |        |